



Bài 1 LOÀI CHIM CỦA BIỂN CẢ

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1. Phát triển kỹ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin đơn giản và ngắn; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- 2. Phát triển kỹ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- 3. Phát triển kỹ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- 4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tình yêu đối với động vật và thiên nhiên nói chung, ý thức bảo vệ thiên nhiên; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Loài chim của biển cả*.
- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*sải cánh, đại dương, màng, đập đếnh, bão*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

- GV nắm được những kiến thức thực tế về chim hải âu. Hải âu chủ yếu sống trên mặt biển, bay trên mặt biển và nghỉ ngơi cũng trên mặt biển. Loài chim này có sải cánh dài tới 4 - 4,5 m. Sải cánh dài nhưng nhỏ và hẹp khiến chúng bay rất tài. Hải âu thường bay theo tàu biển để kiếm thức ăn. Guồng quay của con tàu làm bắn cá lên, hải âu kiếm cá ở đó. Những người lái tàu coi hải âu là điềm lành nên cũng thường lấy cá cho hải âu ăn. Do vậy, hải âu được xem là bạn của những người đi biển.
- GV có thể thu thập thêm thông tin về hải âu trong *Từ điển tranh về các con vật* của Lê Quang Long hoặc trên Internet.

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Có thể sưu tầm thêm những tranh đẹp về chim hải âu. Chuẩn bị tranh minh hoạ (chân vịt có màng) để giải thích nghĩa của từ “màng”.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi.
- Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác (Chủ yếu nhấn vào ý chim biết bay, cá biết bơi).
- GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Loài chim của biển cả*. (VD: *Nhìn chung, loài cá biết bơi thì không biết bay, còn loài chim biết bay thì không biết bơi. Nhưng có một loài chim rất đặc biệt: vừa biết bay vừa biết bơi. Mà đặc biệt hơn là ở chỗ loài chim này vừa bay giỏi, vừa bơi tài. Đó là chim hải âu.*)

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB.
- HS đọc câu
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS (*loài, biển, thời tiết,...*).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Hải âu còn bơi rất giỏi/ nhờ chân của chúng có màng, như chân vịt.*)
- HS đọc đoạn
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *có màng như chân vịt*, đoạn 2: phần còn lại).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt. GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (*sải cánh*: độ dài của cánh; *đại dương*: biển lớn; *dập dềnh*: chuyển động lên xuống nhịp nhàng trên mặt nước, *bão*: thời tiết bất thường, có gió mạnh và mưa lớn. Có thể giải thích thêm nghĩa của từ *chúng* trong văn bản: *chúng* được dùng để thay cho *hải âu*. Riêng từ *màng* (phần da nối các ngón chân với nhau), GV nên sử dụng tranh minh hoạ (có thể dùng tranh vẽ chân con vịt) để giải thích.)
 - + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB
 - + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
 - + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi. (a. *Hải âu có thể bay xa như thế nào?* b. *Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì?* c. *Vì sao hải âu được gọi là loài chim báo bão?*)
 - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
 - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. *Hải âu có thể bay qua những đại dương mênh mông;* b. *Ngoài bay xa, hải âu còn bơi rất giỏi;* c. *Khi trời sắp có bão, hải âu bay thành đàn tìm chỗ trú ẩn;*)
- Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở (*Hải âu có thể bay vượt cả đại dương mênh mông; Ngoài bay xa, hải âu còn bơi rất giỏi.*)
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh. (a. *Ít có loài chim nào có thể bay xa như hải âu;* b. *Những con tàu lớn có thể đi qua các đại dương.*)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
 - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.
- GV có thể khai thác thêm ý (dành cho đối tượng HS có khả năng tiếp thu tốt): sức mạnh sáng tạo của con người thật to lớn, nhưng sự kì thú, nhiệm màu của thiên nhiên cũng rất đáng nể, giữ gìn, trân trọng.

- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh – HS hoạt động theo nhóm, quan sát tranh và trả lời câu hỏi.
- GV và HS nhận xét.

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to cả đoạn văn. (*Hải âu là loài chim của biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên bay rất xa. Chúng còn bơi rất giỏi nhờ chân có màng như chân vịt.*)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
 - + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả: *loài, lớn.*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (*Hải âu/ là loài chim của biển cả./ Chúng có sải cánh lớn,/ nên bay rất xa./ Chúng còn bơi rất giỏi/ nhờ chân có màng/ như chân vịt.*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

- GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.
- GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những vần phù hợp.
- Một số (2 – 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).
- Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Trao đổi: Cần làm gì để bảo vệ các loài chim?

Đây là phần luyện nói tự do. GV có thể cho HS làm việc nhóm, sau đó gọi đại diện một vài nhóm trả lời.

Lưu ý một số chi tiết: Không được bắn chim, bắt chim, phá tổ chim,...

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.